

Tên ngành, nghề: Công nghệ may
Mã ngành, nghề: 5540204
Trình độ đào tạo: Trung cấp
Hình thức đào tạo: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.
Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình chuẩn bị cho người học kiến thức và kỹ năng kỹ thuật trong việc phân tích và thiết kế sản phẩm may mặc, tính chất cơ lý của các kiểu vật liệu, phối hợp màu sắc cho sản phẩm.

Chương trình khóa học bao gồm những nội dung cơ bản về thiết kế và cắt may các kiểu trang phục từ đơn giản đến phức tạp, quần áo sơ mi nam, nữ và các sản phẩm thời trang, đọc và lập bản vẽ chuyên ngành, kết cấu sản phẩm, quy cách tiêu chuẩn đường may và phương pháp lắp ráp sản phẩm, sử dụng các kiểu thiết bị, cỡ giá dùng trong ngành may, kiểm tra phân kiểu nguyên liệu, phụ liệu, chuẩn bị sản xuất, giác sơ đồ, tính toán định mức nguyên vật liệu, phụ liệu và kiểm tra chất lượng sản phẩm. Chương trình khóa học cũng bao gồm các nội dung về chính trị, pháp luật, ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh và tin học.

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể trở thành kỹ thuật viên may và thiết kế thời trang, có thể làm việc trong các xí nghiệp may công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh về may và thời trang.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 20
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1320 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 409 giờ; Thực hành: 1096 giờ; Kiểm tra: 70 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	48	1320	315	948	57
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	12	180	100	71	9
MH 07	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	30	15	14	1
MH 08	Vật liệu may	2	30	25	4	1
MH 09	An toàn lao động	2	30	25	4	1
MH 10	Thiết bị may	4	60	15	43	2
MH 11	Cơ sở thiết kế trang phục	2	30	20	6	4
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	36	1140	215	877	48
MĐ 12	May các chi tiết cơ bản	6	160	35	115	10
MĐ 13	Thiết kế, cắt, may áo sơ mi nam	4	120	27	87	6
MĐ 14	Thiết kế, cắt, may áo sơ mi nữ	3	90	12	75	3
MĐ 15	Thiết kế, cắt, may quần âu nam	4	120	26	88	6
MĐ 16	Thiết kế, cắt, may quần âu nữ	3	90	15	70	5
MĐ 17	Thiết kế, cắt, may chân váy	2	60	20	36	4
MĐ 18	Thiết kế, cắt, may áo váy	3	90	25	61	4
MĐ 19	Công nghệ sản xuất	6	160	45	105	10
MĐ 20	Thực tập tốt nghiệp	5	250	10	240	0
Tổng		60	1575	409	1096	70